

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm... của Hiệu trưởng)

Tên chương trình: **QUAN HỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL RELATIONS)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quan hệ quốc tế**

Mã số: **7310206**

Tên gọi của văn bằng: **Cử nhân**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành tương đương với sinh viên tốt nghiệp các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có lập trường chính trị, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng, có sức khỏe tốt và năng lực đầy đủ để khởi đầu và phát triển nghề nghiệp trong nước, trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, qua đó đóng góp vào hòa bình, ổn định, hợp tác và bền vững của nhân loại với tư cách là các công dân toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên ngành Quan hệ quốc tế sau khi tốt nghiệp phải có:

- *Kiến thức:*

PO1: Kiến thức chung khối ngành khoa học xã hội

- Nắm vững tổng quan lịch sử, địa lý, văn hóa, xã hội của thế giới và các khu vực.
- Hình thành hiểu biết chung về tư tưởng, đường lối, pháp luật của nhà nước Việt Nam.

PO2: Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành quan hệ quốc tế

- Hiểu được bản chất và vai trò của quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao,...
- Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của các cường quốc trong hòa bình và xung đột trên thế giới.
- Nhận biết vai trò của các nền tảng pháp luật trong các mối quan hệ giữa các quốc gia và giữa các công dân của các quốc gia.
- Nắm bắt được bản chất và ý nghĩa của các tổ chức quốc tế trong thực thể toàn cầu và trong các mối quan hệ đa phương
- Vận dụng được các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu QHQT vào thực tiễn.

- *Kỹ năng:*

PO3: Kỹ năng nghiên cứu & đánh giá

- Vận dụng được các kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích thông tin.
- Đưa ra nhận định khách quan về các vấn đề, sự kiện quốc tế dựa trên cơ sở khoa học.
- Đề xuất cách giải quyết hoặc khắc phục các vấn đề toàn cầu theo góc độ phân tích địa phương và quốc gia.

PO4: Kỹ năng tư duy

- Hiểu biết và vận dụng Tư duy tổng hợp và tư duy biện luận
- Hình thành ý thức về siêu nhận thức (metacognition)
- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

PO5: Đạo đức công dân toàn cầu:

- Biết tôn trọng sự đa dạng, có khả năng hội nhập
- Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, kỉ cương

PO6: Thái độ phụng sự cộng đồng dựa trên năng lực bản thân:

- Hình thành ý thức phục vụ cộng đồng hiệu quả
- Phát huy tính tự chủ, tự lập, tinh thần tiên phong và khả năng dẫn dắt.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Quan hệ quốc tế, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

PLO1. Khối Kiến thức chung

- Ghi nhớ và vận dụng các kiến thức cơ bản lý luận chính trị triết học, kinh tế - chính trị Mác Lê-nin, chủ nghĩa khoa học xã hội, và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong QHQT trong thực tế
- Vận dụng kiến thức an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất vào việc tự chủ rèn luyện thể chất của bản thân

PLO2. Khối Kiến thức chuyên ngành

- Chỉ ra, giải thích, và sắp xếp được các khái niệm nền tảng của ngành QHQT
- Áp dụng và chọn lọc các lý thuyết căn bản trong ngành QHQT
- Bàn luận và phân tích sâu các vấn đề toàn cầu từ đó hình thành quan điểm khoa học để tiếp cận vấn đề
- Bình giải kết cấu và nhận định sự khác nhau giữa các chủ thể trong QHQT và các khu vực trên thế giới ở nhiều khía cạnh

2.2. Kỹ năng

PLO3. Nghiên cứu & Đánh giá

- Lập kế hoạch và triển khai tìm kiếm thông tin có hệ thống
- Đánh giá và kiểm định thông tin thu thập
- Bảo vệ quan điểm khoa học của cá nhân và đàm phán hiệu quả
- Xây dựng công trình nghiên cứu khoa học sinh viên

PLO4: Tư duy

- Tập hợp, hệ thống và liên kết đa chiều các dữ liệu thông tin khi làm bài tập tự luận
- Xây dựng các lập luận hợp lý và đưa ra các nhận xét mang tính khách quan đa chiều khi thể hiện quan điểm cá nhân hoặc tranh luận trong lớp
- Xây dựng ý thức tự học, tự phê bình

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO5: Đạo đức công dân

- Đề cao ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân
- Thể hiện hành động, lời nói mang tính nhân văn, không phân biệt đối xử

PLO6: Ý thức cộng đồng

- Phát huy tinh thần hòa nhập với trường lớp, cộng đồng
- Kiến tạo các phương thức giải quyết các vấn đề liên quan đến cộng đồng
- Nêu bật vai trò tiên phong trong tư duy và hành động vì cộng đồng.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 TC (không tính các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	21	0
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	88	16
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	8	4
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	24	0
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	52	6
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	4	6
TỔNG		109	16
		125	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có 21 tín chỉ bắt buộc gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, tin học cơ bản, ngoại ngữ nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của ngành Quan hệ quốc tế. Khối kiến thức này chưa tính 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 104 tín chỉ (88 bắt buộc và 16 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về Quan hệ quốc tế. Khối kiến thức này bao gồm 10 tín chỉ

Thực tập, Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp hoặc Các môn thay thế.

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 17% số TC CTĐT													
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh													
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3		3		45						I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- Lê nin	2	2		2		30						II
3	5070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		2		30						II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		2		30						III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		2		30						III
II	Pháp luật và tin học đại cương													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2		2		30						IV
7	00008	Tin học đại cương	2	2		2		30						III
III	Ngoại ngữ													
8	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45						I
9	GE1018	Anh văn II	3	3		3		45			8			II
IV	Giáo dục thể chất													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1*	2*	3*		15	60					II
IV	Giáo dục quốc phòng - an ninh													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5*		5*		75						I

12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*		3*	3*		90						II
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 104 TC (Bắt buộc: 98 TC; Tự chọn: 16 TC), chiếm 83 % số TC CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 12 TC (Bắt buộc: 8 TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 10% số TC CTĐT													
13	IR1001	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		2	30							III
14	IR1002	Phương pháp học đại học	2	2		2	30							I
15	IR1003	Giao tiếp văn hóa	2	2		2	30							II
16	IR1004	Khu vực học nhập môn	2	2		2	30							III
17	IR1005	Xã hội học đại cương	2	2		2	30							I
18	IR1006	Tâm lý học đại cương	2	2		2	30							II
19	IR1007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		2	30							IV
20	PS1009	Tư duy biện luận	2	2		2	30							IV
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 24 TC (Bắt buộc: 24 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 19% số TC CTĐT													
21	IR2001	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	3		3	45							I
22	IR2006	Đại cương về ngoại giao	3	3		3	45							II
23	IR2007	Lịch sử Ngoại giao Việt Nam	3	3		3	45							II
24	IR2002	Chính sách đối ngoại Việt Nam	3	3		3	45							III
25	IR2003	Chính trị học đại cương	3	3		3	45							I
26	IR2004	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	3	3		3	45							IV
27	IR2005	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	3		3	45							IV
28	IR1015	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	3		3	45							III
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 58 TC (Bắt buộc: 52 TC; Tự chọn: 6 TC), chiếm 46% số TC CTĐT													
29	IR3012	Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao	3	3		3	45							V
30	IR3013	An ninh quốc tế	3	3		3	45							VI
31	IR3014	Chuyên đề Hoa Kỳ	3	3		3	45							VII

32	IR3015	Chuyên đề Trung Quốc	3	3		3		45						VI
33	IR3016	Chuyên đề EU	3	3		3		45						V
34	IR3017	Chuyên đề ASEAN	3	3		3		45						IV
35	IR3018	Những vấn đề toàn cầu	3	3		3		45						IV
36	IR3019	Toàn cầu hóa	3	3		3		45						VII
37	IR3020	Địa chính trị	3	3		3		45						VII
38	IR3001	Công pháp Quốc tế	3	3		3		45				6		V
39	IR3002	Tư pháp Quốc tế	3	3		3		45				6		VI
40	PR3020	Nghiệp vụ ngoại giao	3	3		3		45						VI
41	IR3003	Đàm phán quốc tế	3	3		3		45						VII
42	IR3027	Tiếng Anh chuyên ngành I	3	3		3		45						V
43	IR3028	Tiếng Anh chuyên ngành II	4	4		4		60				42		VI
44	IR3004	Quan hệ công chúng	2	2		2		30						VII
45	IR3025	Các tổ chức quốc tế	2	2		2		30						III
46	IR3005	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2	2			2	30						V
47	IR3006	Marketing nhập môn	2	2			2	30						V
48	IR3023	Ngoại giao đa phương	2	2			2	30						VII
49	IR3024	Ngoại giao công chúng	2	2			2	30						VI
50	IR3022	Luật thương mại Quốc tế	2	2			2	30						VI
51	IR3026	Phát triển bền vững	2	2			2	30						VII
52	IR3034	Kiến tập thực tế	2	1	1	2		15	30					V
IV	Khối kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 10 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 6 TC), chiếm 8% số TC CTĐT													
53	IR3029	Thực tập tốt nghiệp	4		4	4			120					VIII
54	IR3030	Khóa luận tốt nghiệp	6		6		6		180					VIII
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
55	IR3010	Truyền thông quốc tế	3	3			3	45						VIII
56	IR3011	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	3	3			3	45						VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 125 TC (Bắt buộc: 109 TC; Tự chọn: 16 TC)														

8. Tổ chức thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	05068	Triết học Mác-Lênin	3	3		3		45	
2	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45	
3	IR2003	Chính trị học đại cương	3	3		3		45	
4	IR2001	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	3		3		45	
5	IR1005	Xã hội học đại cương	2	2		2		30	
6	IR1002	Phương pháp học đại học	2	2		2		30	
7	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5*		5*		75	
Học kỳ II: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	05069	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		2		30	
2	05070	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2		2		30	
3	IR2007	Lịch sử Ngoại giao Việt Nam	3	3		3		45	
4	IR2006	Đại cương về ngoại giao	3	3		3		45	
5	GE1018	Anh văn II	3	3		3		45	
6	IR1003	Giao tiếp văn hóa	2	2		2		30	
7	IR1006	Tâm lý học đại cương	2	2		2		30	
8	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1*	2*	3*		15	60
9	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*		3*	3*			90
Học kỳ III: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	00008	Tin học Đại cương	2	2		2		30	
2	IR1015	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	3		3		45	
3	IR2002	Chính sách đối ngoại Việt Nam	3	3		3		45	
4	IR3025	Các tổ chức quốc tế	2	2		2		30	
5	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		2		30	
6	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		2		30	
Chọn 1 trong 2 học phần (02TC/04TC)									
7	IR1001	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			2	30	
8	IR1004	Khu vực học nhập môn	2	2			2	30	
Học kỳ IV: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2		2		30	
2	IR3017	Chuyên đề ASEAN	3	3		3		45	

3	IR3018	Những vấn đề toàn cầu	3	3		3		45	
4	IR2004	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	3	3		3		45	
5	IR2005	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	3		3		45	
Chọn 1 trong 2 học phần (02TC/04TC)									
6	PS1009	Tư duy biện luận	2	2			2	30	
7	IR1007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2			2	30	
Học kỳ V: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	IR3027	Tiếng Anh chuyên ngành I	3	3		3		45	
2	IR3016	Chuyên đề EU	3	3		3		45	
3	IR3012	Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao	3	3		3		45	
4	IR3001	Công pháp quốc tế	3	3		3		45	
5	IR3034	Kiến tập thực tế	2	1	1	2		15	30
Chọn 1 trong 2 học phần (02TC/04TC)									
6	IR3005	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2	2			2	30	
7	IR3006	Marketing nhập môn	2	2			2	30	
Học kỳ VI: 18 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	IR3015	Chuyên đề Trung Quốc	3	3		3		45	
2	IR3013	An ninh quốc tế	3	3		3		45	
3	IR3002	Tư pháp Quốc tế	3	3		3		45	
4	IR3028	Tiếng Anh chuyên ngành II	4	4		4		60	
5	PR3020	Nghiệp vụ ngoại giao	3	3		3		45	
Chọn 1 trong 2 học phần (02TC/04TC)									
6	IR3022	Luật thương mại Quốc tế	2	2			2	30	
7	IR3024	Ngoại giao công chúng	2	2			2	30	
Học kỳ VII: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	IR3003	Đàm phán quốc tế	3	3		3		45	
2	IR3014	Chuyên đề Hoa Kỳ	3	3		3		45	
3	IR3020	Địa chính trị	3	3		3		45	
4	IR3019	Toàn cầu hóa	3	3		3		45	
5	IR3004	Quan hệ công chúng	2	2		2		30	
Chọn 1 trong 2 học phần (02TC/04TC)									
5	IR3023	Ngoại giao đa phương	2	2			2	30	
6	IR3026	Phát triển bền vững	2	2			2	30	
Học kỳ VIII: 10 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 6 TC)									
1	IR3029	Thực tập tốt nghiệp	4		4	4			120
Chọn học phần									
2	IR3030	Khóa luận tốt nghiệp	6		6		6		180
Hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
3	IR3010	Truyền thông quốc tế	3	3			3	45	
4	IR3011	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	3	3			3	45	

Lưu ý: Hạn chế bố trí một học phần ở học kỳ 2 nếu học phần điều kiện tiên quyết của học phần đó được học ở học kỳ 1.

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình đào tạo của giáo dục đại học và Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;
- Quyết định số 1982/QĐ-2021/TT-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

9.1. Học phần 1: Triết học Mác – Lênin

Cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác-Lênin. Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan.

9.2. Học phần 2: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Kinh tế chính trị Mác- Lênin 2 bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Phần Học thuyết kinh tế giới thiệu 2 học thuyết cơ bản là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, qua đó sinh viên được tiếp cận, luận giải các phạm trù kinh tế cơ bản của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh tự do. Đồng thời Phần Học thuyết kinh tế cũng luận giải sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn độc quyền, độc quyền nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và những đặc điểm kinh tế cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này. Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN, nền văn hóa XHCN, giải quyết các vấn đề về dân tộc và tôn giáo.

9.3. Học phần 3: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH. Người học có thể nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin

9.4. Học phần 4: Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm,

cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng CSVN. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng CSVN trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

9.5. Học phần 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

9.6. Học phần 6: Pháp luật đại cương

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về phân loại và đặc điểm của các hệ thống pháp luật trên thế giới, mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước; đồng thời giúp sinh viên nắm được những nội dung chính của hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như sự vận hành của hệ thống này nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên. Học phần sẽ giới thiệu những hiểu biết cơ bản về một số ngành luật chính trong pháp luật Việt Nam như: Luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật doanh nghiệp, luật hôn nhân và gia đình, luật lao động...

9.7. Học phần 7: Tin học đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức

9.8. Học phần 8: Anh văn I

Cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản nghe – nói – đọc viết mục đích tạo cho sinh viên có khả năng giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh những vấn đề thông thường trong cuộc sống và chuẩn bị nền tảng ngoại ngữ cho việc học tập tiếng Anh chuyên ngành

9.9. Học phần 9: Anh văn II

Cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản nghe – nói – đọc viết mục đích tạo cho sinh viên có khả năng giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh những vấn đề thông thường trong cuộc sống và chuẩn bị nền tảng ngoại ngữ cho việc học tập tiếng Anh chuyên ngành.

9.10. Học phần 10 Giáo dục thể chất

Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

9.11. Học phần 11: LT-Giáo dục quốc phòng- An ninh

Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng.

9.12. Học phần 12: TH-Giáo dục quốc phòng- An ninh

Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng

9.13. Học phần 13: Lịch sử văn minh thế giới

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ những giai đoạn lớn trong lịch sử phát triển của loài người. Lý giải được tại sao xã hội loài người phát triển không ngừng. Qua đó hình thành ý thức trân trọng và bảo vệ những gì mà sinh viên đang được thụ hưởng từ mọi nền văn hóa khác nhau.

9.14. Học phần 14: Phương pháp học đại học

Giúp sinh viên làm quen với môi trường đại học với những phương pháp học mang tính độc lập, thiết lập được kế hoạch phát triển bản thân, định hướng tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng qua các câu lạc bộ.

9.15. Học phần 15: Giao tiếp văn hóa

Trong thời kỳ toàn cầu hóa, với một thế giới mở và sự đa dạng của các giá trị, các nền văn hóa khác nhau, thành công trong công việc của mỗi cá nhân hay một tổ chức, doanh nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng giao tiếp mang tính đa văn hóa. Môn học có ý nghĩa thực tiễn khi cung cấp những đặc điểm cơ bản của các nền văn hóa khác nhau, những chuẩn mực quốc tế mang tính dung hòa giữa các nền văn hóa. Sinh viên sẽ thuần thục những kỹ năng này qua các bài tập của các tình huống giả định.

9.16. Học phần 16: Khu vực học nhập môn

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về khu vực học, sự hình thành và phát triển khu vực học, vai trò của việc nghiên cứu khu vực học trong sự phát triển của khoa học hiện nay, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khu vực học.

9.17. Học phần 17: Xã hội học đại cương

Tập trung nghiên cứu một số vấn đề về xã hội như: Lịch sử tư tưởng chính trị đông tây và Việt Nam, vấn đề dân số...; vận dụng các giá trị đó vào thực tế; quy luật chung

nhất về sự vận động và phát triển xã hội của đất nước.

9.18. Học phần 18: Tâm lý học đại cương

Tập trung nghiên cứu một số vấn đề về tâm lý và phân tích tâm lý con người, vận dụng các giá trị đó vào thực tế.

9.19. Học phần 19: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Những vấn đề cơ bản, cần thiết hình thành nền văn hóa của dân tộc Việt Nam (cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tư tưởng của người Việt Nam, các thành tố hình thành văn hóa (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội...).

9.20. Học phần 20: Tư duy biện luận

Môn học này nhằm trang bị cho người học khả năng tư duy logic, sáng tỏ, độc lập. Sinh viên được làm quen với các khái niệm về phạm trù suy nghĩ, tư duy với nhiều mô hình và áp dụng để rèn luyện được óc phán đoán một vấn đề thực tiễn một cách tường minh, tránh những định kiến, tiền định, lối mòn tư duy.

9.21. Học phần 21: Nhập môn quan hệ quốc tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý thuyết quan trọng của quan hệ quốc tế, những khái niệm cơ bản của ngành QHQT. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên bước đầu có khả năng nhận diện, hiểu các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế. Những thuật ngữ cơ bản, những lý thuyết chủ đạo, các phương pháp nghiên cứu và nhiệm vụ, vai trò của khoa học quan hệ quốc tế...là những đối tượng cơ bản của môn học này.

9.22. Học phần 22: Đại cương về ngoại giao

Những khái niệm cơ bản của Ngoại giao học bao gồm lịch sử, lý thuyết, thực tiễn, vận hành và những thách thức mới của ngoại giao trong một thế giới thay đổi liên tục.

9.23. Học phần 23: Lịch sử ngoại giao Việt Nam

Lược trình các giai đoạn lịch sử ngoại giao Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến thời cận đại; các bước phát triển của ngoại giao Việt Nam cùng với những đặc trưng truyền thống.

9.24. Học phần 24: Chính sách đối ngoại Việt Nam

Cung cấp các kiến thức về chính sách đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ; tìm hiểu các chủ chương về chính sách đối ngoại Việt Nam.

9.25. Học phần 25: Chính trị học đại cương

Tập trung nghiên cứu một số vấn đề như: so sánh ưu tưởng chính trị Đông-Tây và Việt Nam; hiểu được cách thức vận hành của các thể chế chính trị hiện đại.

9.26. Học phần 26: Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học. Môn học giúp SV nắm được các thao tác nghiên cứu khoa học biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Thảo luận các kiến thức chung về NCKH theo trình

tự logic, luận điểm; cách thực hiện đề tài; đạo đức của người nghiên cứu; cảnh báo Đạo văn. Đặc biệt sẽ trình bày các đặc thù của nghiên cứu trong quan hệ quốc tế.

9.27. Học phần 27: Quan hệ kinh tế quốc tế

Trình bày cơ sở khoa học về quan hệ kinh tế quốc tế; đặc điểm của nền kinh tế thế giới; công cụ thực hiện chính sách ngoại thương; định chế tài chính quốc tế.

9.28. Học phần 28: Lịch sử quan hệ quốc tế

Giúp cho sinh viên hiểu được nguyên tắc phân kỳ, nhận diện được những đặc điểm cơ bản của quan hệ quốc tế và vai trò của các quốc gia, tìm hiểu sự ra đời của các lý thuyết cơ bản làm nền móng cho ngành khoa học quan hệ quốc tế.

9.29. Học phần 29: Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao

Những nguyên tắc cơ bản của chủ tịch Hồ Chí Minh trong đối ngoại đã trở thành kim chỉ nam trong hoạt động đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến nay. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét đặc sắc và tinh hoa trong tư tưởng của Người đến những thành công chính sách đối ngoại Việt Nam khi vận dụng những nguyên tắc đó.

9.30. Học phần 30: An ninh quốc tế

Cung cấp các khái niệm cơ bản về An ninh quốc tế, các dạng xung đột, vai trò của các chủ thể trong quan hệ quốc tế trong việc bảo đảm an ninh quốc gia, khu vực và toàn cầu.

9.31. Học phần 31: Chuyên đề Hoa Kỳ

Đây là chuyên đề được mở rộng với những vấn đề cơ bản liên quan đến cường quốc số 1 của thế giới hiện nay: lịch sử, chính trị, chính sách đối ngoại, văn hóa, luật pháp, các mối quan hệ song phương, kinh tế. Do đây là chuyên đề mang tính mở nên tùy theo sự lựa chọn quan tâm của sinh viên từng năm, những vấn đề giảng dạy sẽ được thiết kế tùy theo nội dung được lựa chọn. Đối với ngành QHQT, ngành khuyến khích sinh viên lựa chọn nội dung Chính sách đối ngoại của Mỹ hoặc các mối quan hệ song phương giữa Mỹ và các quốc gia, các khu vực...

9.32. Học phần 32: Chuyên đề Trung Quốc

Đây là chuyên đề được mở rộng với những vấn đề cơ bản liên quan đến cường quốc đang trỗi dậy của thế giới hiện nay: lịch sử, chính trị, chính sách đối ngoại, văn hóa, luật pháp, các mối quan hệ song phương, kinh tế. Do đây là chuyên đề mang tính mở nên tùy theo sự lựa chọn quan tâm của sinh viên từng năm, những vấn đề giảng dạy sẽ được thiết kế tùy theo nội dung được lựa chọn. Đối với ngành QHQT, ngành khuyến khích sinh viên lựa chọn nội dung Chính sách đối ngoại của Mỹ hoặc các mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc và các quốc gia, các khu vực...

9.33. Học phần 33: Chuyên đề EU

Chuyên đề được mở rộng với những vấn đề cơ bản liên quan đến tổ chức khu vực lớn nhất của thế giới hiện nay: lịch sử, chính trị, chính sách đối ngoại, văn hóa, luật

pháp, các mối quan hệ song phương, kinh tế. Do đây là chuyên đề mang tính mở nên tùy theo sự lựa chọn quan tâm của sinh viên từng năm, những vấn đề giảng dạy sẽ được thiết kế tùy theo nội dung được lựa chọn. Đối với ngành QHQT, ngành khuyến khích sinh viên lựa chọn nội dung Chính sách đối ngoại của EU hoặc các mối quan hệ song phương giữa EU và các quốc gia, các khu vực...

9.34. Học phần 34: Chuyên đề ASEAN

Cung cấp những tri thức về văn hóa các nước trong khối ASEAN và mối quan hệ tương tác với Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử phát triển văn hóa, kinh tế xã hội, an ninh, khoa học công nghệ, giáo dục hòa tạo. Những thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức của Việt Nam trong mối quan hệ này.

9.35. Học phần 35: Những vấn đề toàn cầu

Giới thiệu các vấn đề chính, các thách thức mà nhân loại đang đối mặt, điển hình như các vấn đề về dân số, môi trường, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo, vũ khí hủy diệt hàng loạt... Sinh viên sẽ làm quen với các quan điểm, góc nhìn khác nhau về các vấn đề trên từ quan điểm quốc gia, liên quốc gia, các tổ chức quốc tế. Môn học khuyến khích sinh viên quan tâm và tư duy về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới với tư cách một công dân toàn cầu có trách nhiệm.

9.36. Học phần 36: Toàn cầu hóa

Môn học cung cấp cho sinh viên về khái niệm, nguyên nhân hình thành liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế; các dạng liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế tư nhân; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế nhà nước.

9.37. Học phần 37: Địa chính trị

Ra đời từ cuối thế kỷ XIX với các trường phái lớn và được kiểm nghiệm trong thế kỷ XX qua sự lựa chọn của các nước lớn, môn học này cung cấp bức tranh toàn cảnh các cuộc tranh luận về việc vận dụng các lý thuyết này trong việc định vị các quốc gia từ địa lý đến chính trị, kinh tế và cơ hội phát triển cũng như lý giải sự thất bại.

9.38. Học phần 38: Công pháp quốc tế:

Bàn về các vấn đề pháp lý cơ bản và hệ thống pháp luật quốc tế; lý luận cơ bản về pháp luật quốc tế, luật hàng không; giải quyết tranh chấp quốc tế, luật ngoại giao và lãnh sự.

9.39. Học phần 39: Tư pháp quốc tế:

Xác định thẩm quyền về tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; công nhận và thi hành án; quyết định của tòa án nước ngoài và của trọng tài nước ngoài.

9.40. Học phần 40: Nghiệp vụ ngoại giao

Cung cấp những kiến thức về ngoại giao, tính chất, yêu cầu, các hình thức ngoại giao, một số thuật ngữ ngoại giao, phép xã giao quốc tế theo Công ước Viên 1961.

9.41. Học phần 41: Đàm phán quốc tế

Cung cấp nội dung tổng quát nhất về quá trình đàm phán nói chung và đàm phán quốc tế nói riêng. Sinh viên được tiếp cận khái niệm về đàm phán, xây dựng tiến trình đàm phán, thảo luận ảnh hưởng của văn hóa đến quá trình đàm phán quốc tế, từ đó hiểu về quá trình đàm phán của Việt Nam trong thời kỳ mở cửa.

9.42. Học phần 42: Tiếng Anh chuyên ngành I

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng nghe-nói trong môi trường học thuật và rèn luyện các kỹ năng này để sinh viên có thể hiểu và trình bày tin tức. Các chủ đề của khóa học là chính trị, tôn giáo, kinh tế, các vấn đề xã hội, khoa học, v.v. Hơn hết, sinh viên được tiếp cận với một loạt các từ vựng và kiến thức liên quan đến Quan hệ quốc tế có thể bổ sung cho sự hiểu biết của sinh viên về các học phần cốt lõi khác. Sau đó, sinh viên sẽ áp dụng các nội dung đã thu thập được để trình bày ngắn gọn một chủ đề trong chuyên ngành bằng tiếng Anh

9.43. Học phần 43: Tiếng Anh chuyên ngành II

Học phần được thiết kế để giới thiệu cho học sinh các kỹ năng cơ bản về đọc-viết trong môi trường học thuật và ứng dụng vào việc viết luận. Về cơ bản, mục tiêu của khóa học này là trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc cơ bản, chiến lược từ vựng, các yếu tố căn bản trong bài luận tiếng Anh, và một loạt các từ vựng và kiến thức liên quan đến Quan hệ quốc tế có thể bổ sung cho sự hiểu biết của sinh viên về các học phần cốt lõi khác.

9.44. Học phần 44: Quan hệ công chúng

Học phần giúp sinh viên có những kiến thức nền tảng về Quan hệ công chúng (PR), từ khái niệm, định nghĩa, cơ cấu, nguyên tắc thiết lập và đến quy trình điều hành một kế hoạch PR khả thi.

9.45. Học phần 45: Các tổ chức quốc tế

Học phần sinh viên sẽ giải quyết một số cuộc tranh luận đương đại về các tổ chức quốc tế là trung tâm của cuộc tranh luận công khai - ý nghĩa và các hình thức của các tổ chức quốc tế, các vấn đề về thẩm quyền, quyền lực và tính hợp pháp; cách các nhà nước và các tổ chức phi nhà nước (đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp đa quốc gia) đã định hình bản chất và phạm vi hợp tác quốc tế cũng như tác động của việc tham gia vào các thể chế quốc tế đối với việc hoạch định chính sách, phong cách quản trị và cấu hình thể chế ở cấp quốc gia và cấp địa phương .

9.46. Học phần 46: Kinh tế đối ngoại Việt Nam

Cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế đối ngoại Việt Nam; tìm hiểu chủ trương, chính sách; phân tích một số diễn biến kinh tế trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu.

9.47. Học phần 47: Marketing nhập môn

Học phần cung cấp thông tin về sự ra đời và quá trình phát triển của marketing. Các

khái niệm marketing và bản chất của nó. Vai trò và chức năng của marketing. Marketing vận dụng trong doanh nghiệp.

9.48. Học phần 48: Ngoại giao đa phương

Thời đại Toàn cầu hóa và sự bùng phát bất ngờ của một đại dịch khiến nhân loại lao đao đã và đang thúc đẩy xu hướng ngoại giao đa quốc gia, liên kết quốc gia với các chủ thể phi quốc gia, cũng như với cộng đồng thế giới. Học phần cung cấp các khái niệm căn bản và cao cấp để phân tích xu hướng ngoại giao đang thịnh hành, đồng thời cho sinh viên thực hành áp dụng qua các buổi mô phỏng.

9.49. Học phần 49: Ngoại giao công chúng

Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, sự bá quyền của nước Mỹ đã không chỉ gắn với sức mạnh quân sự tối ưu mà còn với sức hút vượt trội về văn hóa và giá trị - hay còn gọi tắt là 'sức mạnh mềm'. Hơn 2 thập kỷ qua, các quốc gia trên thế giới dần nhận ra tính quan trọng của nguồn sức mạnh này và đầu tư nhiều hơn vào chính sách ngoại giao công chúng để giao lưu trực tiếp với người dân. Học phần cung cấp các khái niệm cũng như phân tích những trường hợp điển hình của mô hình ngoại giao này.

9.50. Học phần 50: Luật thương mại quốc tế:

Cung cấp các kiến thức cơ bản về các luật thương mại quốc tế; ví dụ: Luật chống bán phá giá, kiểm định chất lượng, xuất xứ hàng hóa, lao động trẻ em, các điều kiện làm việc,...

9.51. Học phần 51: Phát triển bền vững

Học phần này trước tiên bao gồm các định nghĩa, ý nghĩa và các nguyên tắc chính của khái niệm và lịch sử trí tuệ của nó. Sau đó, nó xem xét một cách nghiêm túc các cách thức xuất hiện các phương pháp tiếp cận 'chủ đạo' và thay thế đối với phát triển bền vững, bao gồm khuôn khổ chính sách quốc tế (được nêu rõ nhất trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững) và một số hạn chế chính của cách tiếp cận này. Học phần cũng xem xét khái niệm phát triển bền vững liên quan đến các thách thức toàn cầu chính đương đại (môi trường, xã hội và kinh tế) và mức độ mà những vấn đề này có thể được giải quyết trong các khuôn khổ chính thống.

9.52. Học phần 52: Kiến tập thực tế

Sinh viên tham gia vào chuyến đi “về nguồn” trong nước, đến thăm những địa danh lịch sử như Đền Hùng, Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Vịnh Hạ Long và học tập tại các cơ quan trung ương như Bộ Ngoại giao, Học viện Ngoại giao,... Sinh viên sẽ viết báo cáo trình bày những kết quả học tập, trải nghiệm sau chuyến đi.

9.53. Học phần 53: Thực tập Tốt nghiệp

Sinh viên ngành quan hệ quốc tế được thực tập ở một trong các môi trường sau đây: 1. Thực tế ở nước ngoài (ASEAN và Đông Bắc Á), 2. Các sở ngoại vụ, các hội liên hiệp hữu nghị. 3. Các công ty đa quốc gia, các công ty có yếu tố nước ngoài, các công ty nhà

nước. Thời gian thực tập từ hai đến ba tháng để sinh viên tích lũy kinh nghiệm làm việc, áp dụng những kiến thức lý thuyết học ở trường vào thực tế. Qua thực tập, sinh viên hình thành ý thức và thái độ chuyên nghiệp cần thiết cho công việc làm sau này.

9.54. Học phần 54: Khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình cá nhân viết về một trong các vấn đề liên quan đến các môn học trong chuyên ngành đào tạo. Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận (đạt tối thiểu 114 tín chỉ, điểm trung bình từ 7,5 trở lên, đạt được các chứng chỉ về Tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) có ý muốn viết khóa luận làm đơn đề nghị với Hội đồng khoa học của Khoa nêu rõ đề tài, có sự đồng thuận của giáo viên hướng dẫn và phải được Hội đồng khoa học chấp thuận.

9.55. Học phần 55: Truyền thông quốc tế:

Giới thiệu các phương tiện truyền thông: phát thanh, truyền hình, báo giấy, mạng Internet; mục tiêu, quy mô, tác động của truyền thông.

9.56. Học phần 56: Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại

Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại là môn học kỹ năng và nghiệp vụ. Nội dung bài học được thiết kế nhằm giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc, nội dung, nghiệp vụ, kỹ năng của một người thư ký văn phòng nói chung, đồng thời nâng cao và hoàn thiện những kỹ năng cơ bản của người làm công tác văn phòng trong các cơ quan đại diện ngoại giao nói riêng.

HIỆU TRƯỞNG